

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2022.

V/v “Tranh chấp về ly hôn; nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Mỹ Linh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Hữu Trí;

2. Bà Trần Thị Quế Minh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Kim Sơn - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Bà **Lê Thị Tố Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 202/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị S, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt);

Cư trú: Ấp HT, xã HBT, huyện CT, An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn G, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp HT, xã HBT, huyện CT, An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị S trình bày:*

Chị và anh Phạm Văn G chung sống vào năm 2005, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2010 anh chị mới đăng ký kết hôn muộn tại Ủy ban nhân dân xã HBT, huyện Châu Thành, An Giang 11/6/2010. Sau khi cưới thì chị về làm dâu bên gia đình chồng, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian hơn 10 năm, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, có nhiều

bất đồng về quan điểm sống, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, sống chung bên gia đình chồng cũng không hòa thuận nên không còn tình cảm, anh G không thành thật trong chuyện tiền bạc, do anh thường xuyên chơi cờ bạc, nhậu nhẹt, không lo chăm sóc gia đình, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ ngày 30/4/2021 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh G không có thiện chí năn nỉ, hàn gắn vợ chồng, chỉ đến nói gay gắt với chị. Từ khi Tòa án hòa giải lần đầu để hàn gắn tình cảm vợ chồng vào ngày 24/5/2022 đến nay, anh G cũng không đến nói lời xin lỗi, thể hiện sự ăn năn, sửa chữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn G.

Quá trình chung sống chị và anh G có 02 con chung tên Phạm Văn Th, sinh ngày 04/9/2006 và Phạm Thị Bích Th1, sinh ngày 21/7/2012; hiện cháu Th1 đang sống với anh G, còn cháu Th đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th, đồng ý giao cháu Th1 cho anh G nuôi dưỡng, các bên đều không cần cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

*\* Đối với bị đơn anh Phạm Văn G:* Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng anh G đều vắng mặt không lý do. Qua chứng cứ hồ sơ thể hiện anh Phạm Văn G có nơi cư trú tại ấp HT, xã HBT, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; Hiện tại anh Phạm Văn G đi làm thường xuyên, ít có mặt tại nhà và không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị S.

Tại phiên tòa:

- Chị S có đơn xin xét xử vắng mặt;
- Anh G: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị S, giải quyết cho chị S được ly hôn với anh G; về con chung: Tiếp tục giao cháu Th cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Th1 cho anh G nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng cho nhau; về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị S phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Thị S và anh G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 6 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã HBT, huyện Châu Thành nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên chị S yêu cầu ly hôn với anh G. Anh G có hộ khẩu thường trú ở ấp HT, xã HBT, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Võ Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt, xét đơn xin vắng mặt của chị hợp lệ nên được chấp nhận. Đối với anh Phạm Văn G là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị S xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khi cưới được hơn 10 năm đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh G.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị S và anh G đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh G theo quy định, nhưng không lấy được lời khai do anh G vắng mặt tại nhà. Quá trình giải quyết anh G có đến dự phiên hòa giải lần đầu để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng phía chị S vẫn kiên quyết ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải lần 02 để động viên cũng như tạo cơ hội cho anh chị đoàn tụ, tuy nhiên, phía anh G đã vắng mặt không lý do. Chị S xác định, trong khoảng thời gian này anh G không hề sửa đổi hay đến năm nỉ để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà chỉ đến cự cãi với chị. Mặt khác, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh G vẫn không có văn bản thể hiện ý kiến hay có nguyện vọng là muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị S. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị S và anh G đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị S là được ly hôn với anh Phạm Văn G.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Chị Võ Thị S thừa nhận 02 cháu tên Phạm Văn Th, sinh ngày 04/9/2006 và Phạm Thị Bích Th1, sinh ngày 21/7/2012 là con chung của chị và anh Phạm Văn G, mặt khác giấy khai sinh của các cháu cũng đã thể hiện rõ điều này, do đó cần công nhận 02 cháu Phạm Văn Th và Phạm Thị

Bích Th1 là con chung của chị S và anh G, hiện cháu Th1 đang sống với anh G, còn cháu Th đang sống với chị S. Sau khi ly hôn, chị Võ Thị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th, đồng ý giao cháu Th1 cho anh G nuôi dưỡng, các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh, chị không còn sống chung nữa thì cháu **Phạm Văn Th sống với chị S, cháu Bích Th1 thì sống với anh G**, đồng thời Tòa án đã tiến hành lấy lời khai đối với cháu Th thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ (BL số 27). Do đó, để ổn định tâm lý và đảm bảo phát triển cuộc sống cho các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị S là được tiếp tục nuôi cháu Th, giao cháu Th1 **cho anh G nuôi dưỡng**.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Thị S và anh Phạm Văn G không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

Anh Phạm Văn G, chị Võ Thị S có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Các bên tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chị Võ Thị S có yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn G nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị S được ly hôn với anh Phạm Văn G. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn **số 80/KH-HBT, quyển số 01/2010 ngày 11/6/2010 do Ủy ban nhân dân HBT (huyện Châu Thành, An Giang)** cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Công nhận **02 cháu** tên Phạm Văn Th, sinh ngày 04/9/2006 và Phạm Thị Bích Th1, sinh ngày 21/7/2012 là con chung của chị Võ Thị S và anh Phạm Văn G;

+ Tiếp tục giao cháu Phạm Văn Th cho chị Võ Thị S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện cháu Th đang sống chung với chị S); Anh Phạm Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Võ Thị S, do chị S không yêu cầu;

+ Tiếp tục giao cháu Phạm Thị Bích Th1 cho anh Phạm Văn G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện cháu Th1 đang sống chung với anh G); Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Văn G, do anh G không yêu cầu;

+ Chị Võ Thị S và anh Phạm Văn G cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở các bên trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị S phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0003102 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, được khấu trừ nên chị Võ Thị S đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị S và anh Phạm Văn G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.Châu Thành;
- Chi cục THADS.Châu Thành;
- UBND xã HBT;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Mỹ Linh**



















